

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Mã ngành đào tạo: 73 80 107

HÀ NỘI - 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật Kinh tế - Chương trình đào tạo chất lượng cao
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Business Law – High Quality Training Program
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật Kinh tế
- Mã ngành đào tạo: 7380107
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất*)
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh Chương trình đào tạo: Tháng 6/2025

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật Kinh tế (sau đây viết tắt là CTĐT CLC) là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước và xã hội, góp phần thực hiện thành công công cuộc xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công lý, công bằng và tiến bộ xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sau đây:

- **PO1:** Có hiểu biết sâu sắc về những kiến thức nền tảng của khoa học nói chung và khoa học pháp lý nói riêng; có kiến thức lý luận chuyên sâu và kiến thức thực tiễn vững chắc về hệ thống pháp luật kinh tế quốc gia và quốc tế.

- **PO2:** Có năng lực thích ứng và xử lý tình huống sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn theo từng chuyên ngành pháp luật kinh tế cụ thể và trong mối liên hệ với các lĩnh vực pháp luật khác; vận dụng thành thạo kiến thức được đào tạo, các thành tựu khoa học pháp lý để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- **PO3:** Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu và thực hành nghề luật, đặc biệt là ngành luật kinh tế với hiệu quả cao trong một tập thể đa ngành, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn với sự tham gia của các chuyên gia đến từ nhiều ngành khác nhau; giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành, hội nhập tốt trong môi trường quốc tế bằng Tiếng Anh.

- **PO4:** Có sức khỏe, có phẩm chất, thái độ của những công dân toàn cầu thể hiện qua tư duy đổi mới, sáng tạo và hành động có trách nhiệm xã hội, văn hóa cao, tinh thần cộng đồng gắn với năng lực cộng tác và hoạch định phát triển bản thân; có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Người học đăng ký xét tuyển vào Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Về trình độ học vấn:

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về năng lực và phẩm chất:

- Đáp ứng các tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo các phương thức tuyển sinh được Trường Đại học Luật Hà Nội công bố hàng năm, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

- Các phương thức xét tuyển đảm bảo đánh giá được, bao gồm nhưng không giới hạn, kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của thí sinh.

c) Các yêu cầu khác:

Các điều kiện cụ thể về đối tượng, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí phụ (nếu có), quy trình và hồ sơ đăng ký xét tuyển được quy định chi tiết trong Thông báo tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Trường Đại học Luật Hà Nội.

3.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

a) Về kiến thức (Knowledge):

PLO1	Nhận biết được kiến thức nền tảng về văn hoá, chính trị, lịch sử, kinh tế, khoa học tâm lý, quản lý.
PLO2	Áp dụng được kiến thức cơ bản cả lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật; lĩnh vực Luật Hiến pháp; lĩnh vực pháp luật hành chính; lĩnh vực pháp luật dân sự và sở hữu trí tuệ; lĩnh vực pháp luật hình sự; lĩnh vực pháp luật tố tụng; lĩnh vực pháp luật quốc tế và lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.
PLO3	Áp dụng được kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế như kinh tế học; pháp luật thương mại, pháp luật đầu tư; pháp luật lao động, pháp luật an sinh xã hội; pháp luật đất đai, pháp luật kinh doanh bất động sản; pháp luật môi trường; pháp luật tài chính - ngân hàng; pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
PLO4	Áp dụng được kiến thức ngôn ngữ Tiếng Anh pháp lý chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành pháp luật kinh tế để giúp cho người học có thể nghiên cứu các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh và tham gia các hoạt động chuyên môn với các đối tác nước ngoài.

b) Về kỹ năng (Skills):

PLO5	Thực hiện kỹ năng hành nghề luật: kỹ năng nghe, đọc, hỏi, lập luận và tranh luận; kỹ năng nói và kỹ năng viết; kỹ năng cập nhật, tra cứu, phân tích pháp luật và suy luận luật học; kỹ năng đàm phán... trong thực hành nghề luật.
-------------	--

PLO6	Thực hiện thành thạo kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý, phản biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trong hoạch định, xây dựng chính sách, pháp luật kinh tế; kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.
PLO7	Thực hiện linh hoạt kỹ năng làm việc độc lập, lập kế hoạch, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc; kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc; kỹ giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp với cá nhân, đơn vị, tổ chức; kỹ năng nghiên cứu khoa học; kỹ năng khởi nghiệp; bước đầu có kỹ năng điều phối, hướng dẫn, giám sát, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật.
PLO8	Thực hiện thành thạo kỹ năng Tiếng Anh giao tiếp (tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương) và kỹ năng sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành pháp lý để nghiên cứu, học tập, làm việc với đối tác nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
PLO9	Thực hiện thành thạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức nâng cao (gồm đủ 9 mô đun theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); khai thác hiệu quả thông tin qua môi trường mạng, sử dụng thành thạo các phần mềm tin học tra cứu tài liệu nghiên cứu nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế IC3 (Digital Literacy Certification) phục vụ cho công việc chuyên môn

c) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility):

PLO10	Tôn trọng tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng và lợi ích của doanh nghiệp, công ty; phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.
PLO11	Thích ứng tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc; chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.
PLO12	Tôn trọng trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp: có ý thức, nhận thức và tham gia các hoạt động của cộng đồng, trách nhiệm về hành động và vai trò của bản thân; tôn trọng sự khác biệt và cách thức vận hành của thế giới theo hướng công bằng, phát triển bền vững.

4. BẢNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
1. THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: Các học phần thuộc thành phần giáo dục đại cương gồm 21 tín chỉ, trong đó có 16 tín chỉ các học phần bắt buộc, 05 tín chỉ các học phần tự chọn.									
1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 16 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lenin	010132	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lenin	010133	BB	2	16	7	4	3	010132
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010134	BB	2	16	7	4	3	010133
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	BB	2	16	7	4	3	010134
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	000824	BB	2	16	7	4	3	010134
6	Tiếng Anh nâng cao	010617	BB	3	18	12	8	7	
7	Tin học nâng cao	010672	BB	2	12	8	5	5	
1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 5 tín chỉ									
8	Kinh tế vi mô	010405	TC	3	18	12	8	7	
9	Kinh tế vĩ mô	010143	TC	2	12	8	5	5	
10	Quản trị doanh nghiệp	010399	TC	2	12	8	5	5	
11	Tài chính học	010400	TC	2	12	8	5	5	
2. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH: 99 tín chỉ , trong đó các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, thành phần cốt lõi ngành gồm 80 tín chỉ.									
2.1. THÀNH PHẦN CƠ SỞ NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành gồm 19 tín chỉ, trong đó có 17 tín chỉ các học phần bắt buộc, 02 tín chỉ các học phần tự chọn									
2.1.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 17 tín chỉ									
12	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010692	BB	4	26	14	10	10	
13	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	BB	2	12	8	5	5	

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
14	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010693	BB	2	12	8	5	5	
15	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	000360	BB	2	12	8	5	5	
16	Luật hiến pháp Việt Nam	010154	BB	4	26	14	10	10	
17	Luật dân sự 1	010161	BB	3	18	12	8	7	010692
2.1.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 02 tín chỉ									
18	International finance (Tài chính quốc tế)	010613	TC	2	12	8	5	5	
19	Kinh tế học pháp luật	000810	TC	2	12	8	5	5	
20	International Labour Law (Pháp luật lao động quốc tế)	010618	TC	2	12	8	5	5	010692
21	Nguyên lý kế toán	010401	TC	2	12	8	5	5	
2.2. THÀNH PHẦN CỐT LÕI NGÀNH: Các học phần thuộc thành phần cốt lõi ngành gồm 80 tín chỉ, trong đó có 59 tín chỉ các học phần bắt buộc, 21 tín chỉ các học phần tự chọn.									
2.2.1. KIẾN THỨC BẮT BUỘC: 59 tín chỉ									
22	Xây dựng văn bản pháp luật	010155	BB	2	12	8	5	5	
23	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010694	BB	4	26	14	10	10	010692 010154
24	Luật hình sự 1	010157	BB	3	18	12	8	7	010692
25	Criminal Law module 2 (Luật hình sự 2)	010673	BB	2	12	8	5	5	010157
26	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	BB	2	12	8	5	5	010157
27	Luật tổ tụng hình sự	010159	BB	3	18	12	8	7	010157
28	Luật dân sự 2	010162	BB	2	12	8	5	5	010161
29	Luật sở hữu trí tuệ	010695	BB	2	12	8	5	5	010161

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
30	Luật hôn nhân và gia đình	010418	BB	3	18	12	8	7	010161
31	Luật tố tụng dân sự	000285	BB	3	18	12	8	7	010162
32	Luật thương mại 1	010166	BB	3	18	12	8	7	010161
33	Luật thương mại 2	010167	BB	2	12	8	5	5	010166
34	Luật lao động	010045	BB	3	18	12	8	7	010162
35	Luật tài chính	000288	BB	3	18	12	8	7	010692
36	Luật đất đai	000289	BB	3	18	12	8	7	010162
37	Public International Law (Công pháp quốc tế)	010171	BB	4	26	14	10	10	010692 010154
38	Tư pháp quốc tế	010172	BB	4	26	14	10	10	
39	ASEAN Community Law (Pháp luật cộng đồng ASEAN)	010173	BB	2	12	8	5	5	010171
40	International Trade & Business Law (Luật Thương mại quốc tế)	010174	BB	3	18	12	8	7	010167
41	Vietnamese Competition Law and Competition Law in Some Countries Around the World (Luật Cạnh tranh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới)	010619	BB	3	18	12	8	7	010167
42	Kiên tập	010625	BB	3	18	12	8	7	
2.2.2. KIẾN THỨC TỰ CHỌN: 21 tín chỉ (bao gồm khóa luận tốt nghiệp tương đương 5 tín chỉ hoặc các học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp). Yêu cầu sinh viên chọn 10/21TC giảng dạy bằng tiếng Anh nếu chưa chọn học phần giảng dạy bằng tiếng Anh tại thành phần cơ sở ngành mục 2.1.2 hoặc 8/21TC giảng dạy bằng tiếng Anh nếu đã chọn học phần giảng dạy bằng tiếng Anh tại thành phần cơ sở ngành mục 2.1.2.									
2.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành									
43	Luật ngân hàng	000322	TC	3	18	12	8	7	010692
44	Luật môi trường	010205	TC	3	18	12	8	7	010694
45	Luật an sinh xã hội	010200	TC	2	12	8	5	5	010154

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
46	Luật kinh doanh bất động sản	010697	TC	2	12	8	5	5	000289
47	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010698	TC	2	12	8	5	5	010045
48	Luật đầu tư	010199	TC	2	12	8	5	5	010166
49	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010421	TC	2	12	8	5	5	010167
50	Luật kinh doanh bảo hiểm	010203	TC	3	18	12	8	7	010692
51	Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010622	TC	2	12	8	5	5	010172
52	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010207	TC	2	12	8	5	5	000289
53	Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp	010623	TC	3	18	12	8	7	010695
54	Luật chứng khoán	010423	TC	3	18	12	8	7	010692
55	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010424	TC	2	12	8	5	5	010162
56	Luật môi trường trong kinh doanh	010425	TC	2	12	8	5	5	010692 010154
57	Pháp luật về quy định nội bộ của các tổ chức tín dụng	010428	TC	2	12	8	5	5	000322
58	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	010626	TC	2	12	8	5	5	010695
59	Legal English in Economics (Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực kinh tế)	010627	TC	2	12	8	5	5	010617
60	Corporate finance Law (Pháp luật tài chính doanh nghiệp)	010631	TC	2	12	8	5	5	010692

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
61	Fintech Law (<i>Pháp luật về Fintech</i>)	010439	TC	2	12	8	5	5	010692
62	Law on Protection of consumers' rights in some countries around the world (<i>Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng một số nước trên thế giới</i>)	010633	TC	2	12	8	5	5	
63	Introduction to company law in the United States, the European Union and England (<i>Giới thiệu về pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, liên minh châu Âu và Anh Quốc</i>)	010636	TC	2	12	8	5	5	010166
64	Introduction to commercial contract law in the United States and the European Union (<i>Giới thiệu về pháp luật hợp đồng thương mại tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu</i>)	010638	TC	2	12	8	5	5	010166
65	Law on real estate business in some countries around the world (<i>Pháp luật về kinh doanh bất động sản của một số nước trên thế giới</i>)	010658	TC	2	12	8	5	5	010697
66	Terms of credit agreement (<i>Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng</i>)	010438	TC	1	6	4	3	2	000322

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
67	Law on International Franchising (Luật Nhượng quyền thương mại quốc tế)	010659	TC	2	12	8	5	5	010167
68	Law on Security Devices (Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ)	010660	TC	2	12	8	5	5	010162
2.2.2.2. Các học phần kỹ năng									
69	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	TC	2	12	8	5	5	010167
70	Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010661	TC	2	12	8	5	5	010045
71	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	010231	TC	2	12	8	5	5	000289
72	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	TC	2	12	8	5	5	000288
73	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010273	TC	2	12	8	5	5	010166
74	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010662	TC	2	12	8	5	5	010045
75	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	010669	TC	2	12	8	5	5	010167
76	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế)	010670	TC	2	12	8	5	5	000285 010174
77	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial	010671	TC	2	12	8	5	5	000360

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐK TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		LVN (giờ TC)	Tự học (giờ TC)	
					Lý thuyết (giờ TC)	Seminar (giờ TC)			
	Context (Kỹ năng tranh tụng nghề luật)								
2.2.2.3. Khóa luận tốt nghiệp									
78	Khóa luận tốt nghiệp (lĩnh vực pháp luật kinh tế) ¹	010668	TC	5	0	0	0	225	
Sinh viên được chọn viết Khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần tự chọn thay thế Khoá luận tốt nghiệp: Khoá luận tốt nghiệp có khối lượng 05 tín chỉ, do người học thực hiện và được đánh giá bằng hình thức chấm/thuyết trình theo kế hoạch. Kết quả Khoá luận tốt nghiệp được thể hiện trong bảng điểm các học phần của khóa học.									
3. THÀNH PHẦN THỰC TẬP, TRẢI NGHIỆM: Gồm 9 tín chỉ , trong đó có 07 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn.									
3.1. Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): 2 tín chỉ									
79	Thực tập 1	010666	TC	2	2	12	8	5	
80	Phiên tòa giả định	010667	TC	2	2	12	8	5	
81	Thực hành hòa giải, đàm phán	010665	TC	2	2	12	8	5	
3.2. Thực tập, trải nghiệm bắt buộc (lĩnh vực pháp luật kinh tế): 7 tín chỉ									
82	Thực tập 2	010664	BB	5					
83	Trải nghiệm	010663	BB	2	2	12	8	5	

5. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên theo học Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội được Trường xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân ngành Luật kinh tế - Chương trình đào tạo chất lượng cao khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đáp ứng Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

¹ Thực hiện vào năm học thứ 4 của khóa học

6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO²: 129 tín chỉ (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Số TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	Điều kiện tiên quyết	Ghi chú
HK1 18 TC	Triết học Mác - Lê nin	010132	1	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	010692	1	4	BB		
	Luật Hiến pháp Việt Nam	010154	1	4	BB		
	Tin học nâng cao	010672	1,2,3	2	BB		
	Lịch sử nhà nước, pháp luật và các học thuyết chính trị - pháp lý	010688	1,2,3	2	BB		
	Tiếng Anh nâng cao	010617	1	3	BB		
HK2 20 TC	Luật dân sự 1	010161	1	3	BB	010692	
	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	010694	1	4	BB	010692 010154	
	Luật hình sự 1	010157	1	3	BB	010692	
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	010133	1,2,3	2	BB	010132	
	Luật tài chính	000288	1	3	BB	010692	
	Giáo dục thể chất			3	BB		Không tính vào tổng TC
	Phần tự chọn: Chọn 05 TC thuộc thành phần kiến thức giáo dục đại cương						
	Kinh tế vi mô	010405	1,2,3	3	TC		
	Kinh tế vĩ mô	010143	1,2,3	2	TC		
	Quản trị doanh nghiệp	010399	1,2,3	2	TC		
	Tài chính học	010400	1,2,3	2	TC		
HK3 19 TC	Nghề luật và đạo đức nghề luật	010693	1,2,3	2	BB		
	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	000360	1,2,3	2	BB		
	Luật dân sự 2	010162	1,2,3	2	BB	010161	
	Luật thương mại 1	010166	1	3	BB	010161	
	Luật hôn nhân và gia đình	010418	1	3	BB	010161	
	Luật tố tụng hình sự	010159	1	3	BB	010157	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	010134	1	2	BB	010133	
	Phần tự chọn: Chọn 02 TC thuộc thành phần cơ sở ngành						
	International finance (Tài chính quốc tế)	010613	1,2,3	2	TC		
	Kinh tế học pháp luật	000810	1,2,3	2	TC		
	Nguyên lý kế toán	010401	1,2,3	2	TC		

² Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến trình đào tạo so với tiến trình đã được quy định trong Chương trình đào tạo.

	International Labour Law (Pháp luật lao động quốc tế)	010618	1,2,3	2	TC	010692	
HK4 17 TC	Trải nghiệm	010663	1,2,3	2	BB		
	Luật thương mại 2	010167	1,2,3	2	BB	010166	
	Luật lao động	010045	1	3	BB	010162	
	Luật đất đai	000289	1	3	BB	010694 010162	
	Xây dựng văn bản pháp luật	010155	1,2,3	2	BB		
	Luật tổ tụng dân sự	000285	1	3	BB	010162	
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 02 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật an sinh xã hội	010200	1,2,3	2	TC	010154	
	Luật đầu tư	010199	1,2,3	2	TC	010166	
	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	010128	1,2,3	2	TC	010167	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	010272	1,2,3	2	TC	000288	
	Luật ngân hàng	000322	1,2,3	3	TC	010692	
	Luật kinh doanh bất động sản	010697	1,2,3	2	TC	000289	
	Kỹ năng giải quyết vụ án lao động	010662	1,2,3	2	TC	010045	
	Giáo dục Quốc phòng – An ninh				BB		Không tính vào tổng TC
HK5 19 TC	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	000824	1,2,3	2	BB	010134	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010004	1,2,3	2	BB	010134	
	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	010690	1,2,3	2	BB	010157	
	Luật sở hữu trí tuệ	010695	1,2,3	2	BB	010161	
	Tư pháp quốc tế	010172	1	4	BB		
	Kiến tập	010625	1	3	BB		
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Luật môi trường	010205	1,2,3	3	TC	010694	
	Luật chứng khoán	010423	1,2,3	3	TC	010692	
	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	010424	1,2,3	2	TC	010162	
	Luật môi trường trong kinh doanh	010425	1,2,3	2	TC	010692 010154	
	Pháp luật lao động đối với một số đối tượng đặc thù	010698	1,2,3	2	TC	010045	

	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	010421	1,2,3	2	TC	010167	
	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	010207	1,2,3	2	TC	000289	
	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực bất động sản	010110	1,2,3	2	TC	000289	
	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	010669	1,2,3	2	TC	010167	
HK6 18 TC	Public International Law (Công pháp quốc tế)	010171	1	4	BB	010692 010154	
	Criminal Law module 2 (Luật hình sự 2)	010673	1,2,3	2	BB	010157	
	International Trade & Business Law (Luật Thương mại quốc tế)	010174	1	3	BB	010167	
	Vietnamese Competition Law and Competition Law in Some Countries Around the World (Luật Cạnh tranh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới)	010254	1,2,3	3	BB	010167	
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 06 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Legal English in Economics (Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực kinh tế)	010627	1,2,3	2	TC	010617	
	Presentation Skills for Lawyer in Adversarial Context (Kỹ năng tranh tụng nghề luật)	010671	1,2,3	2	TC	000360	
	Law on International Franchising (Luật Nhượng quyền thương mại quốc tế)	010659	1,2,3	2	TC	010167	
	Law on Security Devices (Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ)	010660	1,2,3	2	TC	010162	
	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế)	010670	2,3	2	TC	000285 010174	

	Corporate finance Law (Pháp luật tài chính doanh nghiệp)	010631	1,2,3	2	TC	010692	
HK7 11 TC	Thực tập 2	010664	1,2,3	5	BB		
	ASEAN Community Law (Pháp luật cộng đồng ASEAN)	010173	1,2,3	2	BB	010048	
	Phần Tự chọn của ngành Luật Kinh tế: Chọn tối thiểu 04 TC thuộc thành phần cốt lõi ngành						
	Law on Protection of consumers' rights in some countries around the world (Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng một số nước trên thế giới)	010633	1,2,3	2	TC		
	Introduction to commercial contract law in the United States and the European Union (Giới thiệu về pháp luật hợp đồng thương mại tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu)	010638	1,2,3	2	TC	010166	
	Fintech Law (Pháp luật về Fintech)	010439	1,2,3	2	TC	010692	
	Introduction to company law in the United States, EU and the UK (Giới thiệu pháp luật công ty tại Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Anh Quốc)	010636	1,2,3	2	TC	010166	
HK8 07 TC	Law on real estate business in some countries around the world (Pháp luật về kinh doanh bất động sản của một số nước trên thế giới)	010658	1,2,3	2	TC	010697	
	Thực tập, trải nghiệm tự chọn (lĩnh vực pháp luật kinh tế): Chọn 2 tín chỉ thuộc thành phần thực tập, trải nghiệm						
	Thực tập 1	010666	1,2,3	2	TC		
	Phiên tòa giả định	010667	1,2,3	2	TC		
	Thực hành hòa giải, đàm phán	010665	1,2,3	2	TC		
	Khóa luận tốt nghiệp: 5 TC						
	Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường. Sinh viên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Trường chọn các học phần đủ 05 TC thuộc thành phần kiến thức cốt lõi ngành						
	Luật kinh doanh bảo hiểm	010070	1,2,3	3	TC	010692	

Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	010622	1,2,3	2	TC	010172	
Terms of credit agreement (Các điều khoản của Hợp đồng tín dụng)	010438	2,3	1	TC	000322	
Pháp luật về quy định nội bộ của các tổ chức tín dụng	010428	1,2,3	2	TC	000322	
Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp	010623	1,2,3	3	TC	010695	
Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	010626	1,2,3	2	TC	010695	
Kỹ năng tư vấn pháp luật lao động trong doanh nghiệp	010270	1,2,3	2	TC	010045	
Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	010231	1,2,3	2	TC	010166	